TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2018/QĐST-DS	*P, ngày 05 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 28/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1966

Ông Lê Văn H, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: ấp TT A, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông H ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng.

- Bị đơn: chị Huỳnh Thị Anh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp KP, xã ĐĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Hồ Trần Quang Quốc T, sinh năm 1981. Đăng ký thường trú: ấp TĐ, xã ĐT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: ấp TH, xã TH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị T với chị Huỳnh Thị Anh T và anh Hồ Trần Quang Quốc T thỏa thuận:

- Chị Huỳnh Thị Anh T có nghĩa vụ trả cho Ông Lê Văn H và Bà Phạm Thị T số tiền 184.500.000 đồng (nợ gốc 154.000.000 đồng, nợ lãi 30.500.000 đồng). Thời hạn và cách thức trả như sau: vào ngày 01 hàng tháng chị Thư có nghĩa vụ trả cho ông H, bà T số tiền 1.000.000 đồng, trả cho đến khi nào hết số tiền 184.500.000 đồng. Thời hạn trả lần đầu là ngày 01/3/2018.

- Anh Hồ Trần Quang Quốc T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn H và bà Phạm Thị T số tiền 184.500.000 đồng (nợ gốc 154.000.000 đồng, nợ lãi 30.500.000 đồng). Thời hạn và cách thức trả như sau: vào ngày 01 hàng tháng anh Thắng có nghĩa vụ trả

cho Ông H, bà T số tiền 2.000.000 đồng, trả cho đến khi nào hết số tiền 184.500.000 đồng. Thời hạn trả lần đầu là ngày 01/3/2018.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn H và Bà Phạm Thị T phải liên đới nộp là 4.612.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.225.000 đồng theo biên lai thu số 0012171 ngày 25/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Ông H và bà T được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền là 4.612.500 đồng.

Chị Huỳnh Thị Anh T phải nộp là 2.306.250 đồng.

Anh Hồ Trần Quang Quốc T phải nộp là 2.306.250 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Thị Vân

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).